**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG : THCS SƠN ĐÀ**  **TỔ: KHTN**  **¯¯¯¯¯¯¯¯** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC TIN HỌC, KHỐI LỚP 8**

(Năm học 2023 - 2024)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 0**3**; Số học sinh:** 104 **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**.01; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0 Đại học: 01; Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt:.01; Khá:.0 ; Đạt:.0 ; Chưa đạt: 0

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy tính | 40 | Bài thực hành sgk |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ..... |  |  |  |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng thực hành tin học | 01 | Dạy tin học các khối |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ...... |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[1]](#footnote-1)**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT**  **(1)** | **Bài học**  **(2)** | **Tiết  PPCT** | **Số tiết**  **(3)** | **YCCĐ**  **(4)** |
| **HỌC KỲ 1** | | | | |
| **CĐ 1. Máy tính và cộng đồng** | | | | |
|  | Bài 1. Lược sử công cụ tính toán | 1,2 | 2 (2, 0) | ­ Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính.  ­ Nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người. |
| **CĐ 2. Tổ chức, lưu trữ và kìm kiếm và trao đổi thông tin** | | | | |
|  | Bài 2. Thông tin trong môi trường số | 3 | 1 (1, 0) | * Nêu được các đặc điểm của thông tin số: đa dạng, được thu thập ngày càng nhanh và nhiều, được lưu trữ với dung lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân, có tính bản quyền, có độ tin cậy rất khác nhau, có các công cụ tìm kiếm, chuyển đổi, truyền và xử lí hiệu quả. * Trình bày được tầm quan trọng của việc khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu được ví dụ minh hoạ. |
|  | Bài 3. Thực hành khai thác thông tin số | 4,5 | 2 (0, 2) | – Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin trong môi trường số. Nêu được ví dụ minh hoạ.  – Chủ động tìm kiếm được thông tin để thực hiện nhiệm vụ (thông qua bài tập cụ thể).  – Đánh giá được lợi ích của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề, nêu được ví dụ minh hoạ. |
| **CĐ 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số hoá** | | | | |
|  | Bài 4. Đạo đức và văn hoá trong sử dụng công nghệ kĩ thuật số. | 6 | 1(1, 0) | – Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức và pháp luật, biểu hiện thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số. Ví dụ: thu âm, quay phim, chụp ảnh khi không được phép, dùng các sản phẩm văn hoá vi phạm bản quyền,...  – Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hoá và không vi phạm pháp luật. |
| **CĐ 4. Ứng dụng Tin học** | | | | |
|  | Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế | 7, 8 | 2 (1, 1) | – Giải thích được sự khác nhau giữa địa chỉ tương đối và địa chỉ tuyệt đối của một ô tính.  – Giải thích được sự thay đổi địa chỉ tương đối trong công thức khi sao chép công thức.  – Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế.  – Sao chép được dữ liệu từ các tệp văn bản, trang trình chiếu sang trang tính. |
|  | Kiểm tra giữa học kì I | 9 | 1 (1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. |
|  | Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu | 10, 11 | 2 (1, 1) | – Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế.  – Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng lọc và sắp xếp dữ liệu.  – Thực hiện được các thao tác lọc và sắp xếp dữ liệu.  – Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng các chức năng đó của phần mềm bảng tính. |
|  | Bài 7. Trực quan hoá dữ liệu | 12, 13 | 2 (1, 1) | – Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng tạo biểu đồ.  – Thực hiện được thao tác tạo biểu đồ của bảng tính. |
| **CĐ 4a) Chủ đề con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao** | | | | |
|  | Bài 8a. Làm việc với danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản | 14, 15 | 2 (1, 0) | – Thực hiện được các thao tác: chèn thêm, xoá bỏ, co dãn hình ảnh, vẽ hình đồ hoạ trong văn bản, tạo danh sách dạng liệt kê. |
|  | Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản (Tiết 1) | 16 | 1 (1, 0) | – Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang cho văn bản. |
|  | Ôn tập học kì I | 17 | 1( 1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. |
|  | Kiểm tra học kì I | 18 | 1 (1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. |
|  | **Tiết thư viện:** Hướng dẫn học sinh cách tìm kiếm, chọn lọc và xử lí thông tin về số liệu thực tế trước khi nhập dữ liệu vào máy tính. | | | |
| **HỌC KỲ 2** | | | | |
|  | Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản (Tiết 2) | 19 | 1 (0, 1) | – Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang cho văn bản. |
| **CĐ 4a) Chủ đề con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao (tt)** | | | | |
|  | Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu | 20, 21 | 2 (1, 1) | – Chọn / đặt được màu sắc, cỡ chữ hài hoà và hợp lí với nội dung.  – Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang. |
|  | Bài 11a. Sử dụng bản mẫu tạo bài trình chiếu | 22, 23 | 2 (1, 1) | – Sử dụng được các bản mẫu (template) tạo bài trình chiếu.  – Nhúng được vào trang chiếu đường dẫn đến video hay tài liệu khác.  – Tạo được một số sản phẩm là văn bản có tính thẩm mĩ phục vụ nhu cầu thực tế. |
| **CĐ 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính** | | | | |
|  | Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình | 24, 25 | 2 (1, 1) | – Mô tả được kịch bản đơn giản dưới dạng thuật toán và tạo được một chương trình đơn giản.  – Hiểu được chương trình là dãy các lệnh điều khiển máy tính thực hiện một thuật toán. |
|  | Bài 13. Biểu diễn dữ liệu ( Tiết 1) | 26 | 1(1, 0) | – Nêu được khái niệm hằng, biến, kiểu dữ liệu, biểu thức và sử dụng được các khái niệm này ở các chương trình đơn giản trong môi trường lập trình trực quan. |
|  | Kiểm tra giữa học kì II | 27 | 1 (1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại.  - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. |
| **CĐ 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (tt)** | | | | |
|  | Bài 13. Biểu diễn dữ liệu ( Tiết 2) | 28 | 1 (0, 1) | – Nêu được khái niệm hằng, biến, kiểu dữ liệu, biểu thức và sử dụng được các khái niệm này ở các chương trình đơn giản trong môi trường lập trình trực quan. |
|  | Bài 14. Cấu trúc điều khiển | 29, 30 | 2 (1, 1) | Thể hiện được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp ở chương trình trong môi trường lập trình trực quan. |
|  | Bài 15. Gỡ lỗi | 31, 32 | 2 (1, 1) | Chạy thử, tìm lỗi và sửa được lỗi cho chương trình. |
| **CĐ 6. Hướng nghiệp với Tin học** | | | | |
|  | Bài 16. Tin học với nghề nghiệp | 33 | 1 (1, 0) | – Nêu được một số nghề nghiệp mà ứng dụng tin học sẽ làm tăng hiệu quả công việc.  – Nêu được tên một số nghề thuộc lĩnh vực tin học và một số nghề liên quan đến ứng dụng tin học.  – Nhận thức và trình bày được vấn đề bình đẳng giới trong việc sử dụng máy tính và trong ứng dụng tin học, nêu được ví dụ minh hoạ. |
|  | Ôn tập học kì II | 34 | 1 (1, 0) | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. |
|  | Kiểm tra học kì II | 35 | 1 (1, 0) |
|  | **Tiết thư viện:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong các nghành nghê. | | | |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 |  |  |  |
| … |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | - Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. | Viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. | Viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | - Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại.  - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. | Viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. | Viết |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

**Phụ lục II**

**KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

TRƯỜNG THCS SƠN ĐÀ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỔ KHTN Độc lập - Tự do - Hanh phúc**

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 2023 - 2024)

**1. Khối lớp: 8; Số học sinh: 104.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 | **CĐ 1. Máy tính và cộng đồng** | ­ Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính.  ­ Nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người. | 2 | 2 tuần | Phòng máy | Giáo viên | Phụ huynh học sinh | Thiết bị máy tính |
| 2 | **CĐ 2. Tổ chức, lưu trữ và kìm kiếm và trao đổi thông tin** | * Nêu được các đặc điểm của thông tin số: đa dạng, được thu thập ngày càng nhanh và nhiều, được lưu trữ với dung lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân, có tính bản quyền, có độ tin cậy rất khác nhau, có các công cụ tìm kiếm, chuyển đổi, truyền và xử lí hiệu quả.   Trình bày được tầm quan trọng của việc khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu được ví dụ minh hoạ. | 4 | 4 tuần | Phòng máy | Giáo viên | Phụ huynh học sinh | Thiết bị máy tính |
| 3 | **CĐ 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số hoá** | – Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức và pháp luật, biểu hiện thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số. Ví dụ: thu âm, quay phim, chụp ảnh khi không được phép, dùng các sản phẩm văn hoá vi phạm bản quyền,...  – Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hoá và không vi phạm pháp luật. | 3 | 3 tuần | Phòng máy | Giáo viên | Phụ huynh học sinh | Thiết bị máy tính |
| 4 | **CĐ 4. Ứng dụng Tin học. Xử lí và trực quan hoá dữ liệu bằng bảng tính điện tử** | – Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng tạo biểu đồ.  – Thực hiện được thao tác tạo biểu đồ của bảng tính. | 15 | 15 tuần | Phòng máy | Giáo viên | Phụ huynh học sinh | Thiết bị máy tính |
| 5 | **CĐ 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (tt)** | Chạy thử, tìm lỗi và sửa được lỗi cho chương trình. | 5 | 5 tuần | Phòng máy | Giáo viên | Phụ huynh học sinh | Thiết bị máy tính |
| 6 | **CĐ 6. Hướng nghiệp với Tin học** | – Nêu được một số nghề nghiệp mà ứng dụng tin học sẽ làm tăng hiệu quả công việc.  – Nêu được tên một số nghề thuộc lĩnh vực tin học và một số nghề liên quan đến ứng dụng tin học.  – Nhận thức và trình bày được vấn đề bình đẳng giới trong việc sử dụng máy tính và trong ứng dụng tin học, nêu được ví dụ minh hoạ. | 1 | 1 tuần | Phòng máy | Giáo viên | Phụ huynh học sinh | Thiết bị máy tính |

*(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.*

*(2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.*

*(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.*

*(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).*

*(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.*

*(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.*

*(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu…*

**Phụ lục III**

**KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS SƠN ĐÀ**  **TỔ : KHTN**  **Họ và tên GV: Lê Thị Phấn** | **CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC: TIN HỌC LỚP 8**

(Năm học 2023-2024)

**I. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình :**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Thời điểm** | **Thiết bị dạy học** | **Địa điểm dạy học** |
|  | Bài 1. Lược sử công cụ tính toán | 2 | Tuần 1, 2 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 2. Thông tin trong môi trường số | 1 | Tuần 3 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 3. Thực hành khai thác thông tin số | 2 | Tuần 4, 5 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 4. Đạo đức và văn hoá trong sử dụng công nghệ kĩ thuật số | 1 | Tuần 6 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế | 2 | Tuần 7,8 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Kiểm tra giữa học kì I | 1 | Tuần 9 | **Đề kiểm tra** | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu | 2 | Tuần 10, 11 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 7. Trực quan hoá dữ liệu | 2 | Tuần 12, 13 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 8a. Danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản | 1 | Tuần 14,15 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản ( Tiết 1) | 1 | Tuần 16 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Ôn tập học kì I | 1 | Tuần 17 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Kiểm tra HK1 | 1 | Tuần 18 | **Đề kiểm tra** | Lớp học/Phòng tin học |
|  | **Tiết thư viện:** Hướng dẫn học sinh cách tìm kiếm, chọn lọc và xử lí thông tin về số liệu thực tế trước khi nhập dữ liệu vào máy tính. | | | | |
|  | Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản ( Tiết 2) | 1 | Tuần 19 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu | 2 | Tuần 20, 21 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 11a. Sử dụng bản mẫu cho bài trình chiếu | 2 | Tuần 22, 23 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình | 2 | Tuần 24, 25 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 13. Biểu diễn dữ liệu ( Tiết 1) | 1 | Tuần 26 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Scratch, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Kiểm tra giữa học kì II | 1 | Tuần 27 | **Đề kiểm tra** | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 13. Biểu diễn dữ liệu ( Tiết 2) | 1 | Tuần 28 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Scratch, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 14. Cấu trúc điều khiển | 2 | Tuần 29, 30 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Scratch, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 15. Gỡ lỗi | 2 | Tuần 31, 32 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Scratch, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Bài 16. Tin học với nghề nghiệp | 2 | Tuần 33 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Ôn tập học kì II | 1 | Tuần 34 | Máy chiếu, máy vi tính cài phần mềm Microsoft Powerpoint 2010 trở lên, phiếu học tập, bảng nhóm | Lớp học/Phòng tin học |
|  | Kiểm tra học kì II | 1 | Tuần 35 | **Đề kiểm tra** | Lớp học/Phòng tin học |
|  | **Tiết thư viện:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong các nghành nghê. | | | | |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.*

*(3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.*

*(4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).*

**II. Nhiệm vụ khác (nếu có):** *(Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)*

1. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-1)